

Bản án số: 90/2020/HS-PT
Ngày 08 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Châu Văn Mỹ

Ông Trần Quang Khang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trần Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trang Văn T cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Trang Văn T, Nguyễn Chí N, Nguyễn Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2020/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trang Văn T, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trang Việt M, sinh năm 1962 và bà Tô Thị N, sinh năm 1964; có vợ là Trần Thị Trúc L, sinh năm 1992; có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Chí N, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Ấp U, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2020 đến ngày 10/06/2020 được bảo lãnh và tại ngoại cho đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1942 và bà Võ Thị C, sinh năm 1956; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988; có 04 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Trang Thị N1 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

Người bào chữa cho bị cáo Trang Văn T: Ông **Trần Ngọc Tiến**, Chi nhánh Văn phòng luật sư Sơn Ngọc – thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, (có mặt).

- Bị hại không kháng cáo:

Anh **Võ Thanh M**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc bị hại anh Võ Thanh M nợ tiền vay và nợ hụi của bị cáo Trang Thị N1, nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01/12/2019, bị cáo N1 đi tìm và gặp được anh M tại khu vực cầu Sư Sơn (thuộc ấp L, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu). Tại đây, N1 gọi điện cho anh ruột là bị cáo Trang Văn T, thông báo đã tìm được anh M. Một lúc sau, bị cáo T có mặt và điện thoại cho bị cáo Nguyễn Chí N, đối tượng Châu Văn U đến, sau đó U và N chở anh M về quán cà phê Giọt Đắng của gia đình T. Khoảng 30 phút sau thì bị cáo T kêu bị cáo N, Châu Văn U chở anh M về nhà anh M tại ấp L, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Khi đến nhà anh M, bị cáo N1 đi mua mì gói và nước suối phục vụ cho việc canh giữ anh M. Bị cáo T chở bị cáo Nguyễn Văn T1 đến cùng canh giữ anh M. Sau đó các bị cáo T, N1 ra về, trước khi về các bị cáo T, N1 kêu bị cáo N, Châu Văn U, bị cáo T1 canh giữ anh M không cho đi khỏi nhà để sáng mai bị cáo T và bị cáo N1 xuống đưa anh M đi ký giấy cầm cố nhà cho bị cáo N1 để đảm bảo việc trả nợ. Đến sáng ngày 02/12/2019, các bị cáo T, N1 và T1 đưa anh M lại nhà ông Thái Văn O là Trưởng ấp L, xã T để ký giấy cầm cố nhà nhưng không ký được nên đưa anh M về lại quán cà phê Giọt Đắng và sau đó thì cho anh M về nhà.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên:

1. Tuyên bố các bị cáo Trang Văn T, Trang Thị N1, Nguyễn Chí N phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trang Thị N1. Xử phạt: bị cáo Trang Thị N1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 09/12/2019.

Giao bị cáo Trang Thị N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phong giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trang Văn T. Xử phạt bị cáo Trang Văn T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 09/12/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Chí N. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí N 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 14/05/2020 đến ngày 10/06/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2020, các bị cáo Trang Văn T, Nguyễn Chí N và Nguyễn Văn T1 kháng cáo kêu oan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trong hạn luật định là hợp lệ. Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nội dung kháng cáo, xét thấy cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trang Văn T và Nguyễn Chí N phạm tội “Bắt, giữ người trái phép luật” và bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Do đó, đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên bản án sơ thẩm còn một số sai sót cần điều chỉnh lại cho đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 345; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án hình sự phúc thẩm số 26/2020/HSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu theo hướng sau:

-Sửa việc đối trừ thời hạn tạm giữ đối với bị cáo T, cụ thể là đối trừ thời hạn tạm giữ đối với bị cáo T từ ngày 06/12/2019 đến ngày 07/12/2019.

-Không đối trừ thời hạn tạm giữ vào thời gian thử thách án treo đối với bị cáo N1.

-Áp dụng Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, bị cáo N1.

-Tuyên cho bị hại được nhận số tiền 4.000.000đ mà bị cáo T đã nộp bồi thường khắc phục hậu quả do Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Giá Rai đang quản lý và áp dụng lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

-Tuyên bố sung nội dung trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trang Văn T trình bày quan điểm: Bị cáo không dùng vũ lực đe dọa, ép buộc hoặc dùng thủ đoạn khác buộc bị hại Võ Thanh M phải đến quán cà phê Giọt Đắng. Việc anh Võ Thanh M đến quán cà phê Giọt Đắng của các bị cáo là do sự tự nguyện của anh M nhằm để giải quyết việc tiền nợ và tiền hui. Đồng thời, việc bị cáo đến nhà của anh M là có sự đồng ý của anh M, không có việc hạn chế việc đi lại của anh M nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự xem xét tuyên bố bị cáo Trang Văn T, Nguyễn Chí N không phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bị cáo Nguyễn Văn T1 không phạm tội “Giữ người trái pháp luật” như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Các bị cáo Trang Văn T và Nguyễn Chí N đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tuyên bố các bị cáo không phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội “Giữ người trái pháp luật” như bản án sơ thẩm đã tuyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có kháng cáo về thể thức và thời hạn đúng theo quy định nên được Hội đồng xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại là anh Võ Thanh M vắng mặt, xét thấy đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị hại hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị hại.

[2] Về nội dung: Xét thấy, sự việc xảy ra là do mâu thuẫn từ việc vay mượn tiền và tiền hui giữa bị cáo Trang Thị N1 và bị hại Võ Thanh M nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01/12/2019, bị cáo N1 đi tìm và gặp được anh M tại khu vực cầu Sư Sơn (thuộc ấp L, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu). Tại đây, N1 gọi điện cho anh ruột là bị cáo Trang Văn T thông báo đã tìm được anh M. Một lúc sau, bị cáo T có mặt và điện thoại cho bị cáo Nguyễn Chí N, đối tượng Châu Văn U đến, sau đó U và N chở anh M về quán cà phê Giọt Đắng của gia đình T. Khoảng 30 phút sau thì bị cáo T kêu bị cáo N, Châu Văn U chở anh M về nhà anh M tại ấp L, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Khi đến nhà anh M, bị cáo N1 đi mua mì gói và nước suối phục vụ cho việc canh giữ anh M. Bị cáo T chở bị cáo Nguyễn Văn T đến cùng canh giữ anh M. Sau đó các bị cáo T, N1 ra về, trước khi về các bị cáo T, N1 kêu bị cáo N, Châu Văn U, bị cáo T1 canh giữ anh M không cho đi khỏi nhà để sáng mai bị cáo T và bị cáo N xuống đưa anh M đi ký giấy cầm cố nhà cho bị cáo N để đảm bảo việc trả nợ. Đến sáng ngày 02/12/2019, các bị cáo T, N1 và T1 đưa anh M lại nhà ông Thái Văn O là Trưởng ấp L, xã T để ký giấy cầm cố nhà nhưng không ký được nên đưa anh M về lại quán cà phê Giọt Đắng và sau đó thì cho anh M về nhà.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do về thân thể của anh M. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm

hình sự và thực hiện với lỗi cố ý. Do vậy, hành vi của các bị cáo Trang Thị N1, Trang Văn T, Nguyễn Chí N và Nguyễn Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Từ đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa chứng minh được các bị cáo Trang Thị N1, Trang Văn T, Nguyễn Chí N có hành vi bắt anh M trái pháp luật nên cấp sơ thẩm qui kết các bị cáo phạm tội “Bắt người trái pháp luật” là chưa có căn cứ.

[3] Như đã phân tích, mặc dù các bị cáo không phạm tội bắt người trái pháp luật nhưng phạm tội giữ người trái pháp luật nên kháng cáo kêu oan của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền tự do về thân thể của anh M mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh tại địa phương. Do vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và cũng giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Đối với bị cáo Trang Văn T: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 07/12/2019 nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên đối trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến 09/12/2019 là chưa đúng nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo T cung cấp thêm các giấy tờ chứng minh ông bà ngoại và ông nội bị cáo là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến để chứng minh việc bị cáo không làm những việc vi phạm pháp luật nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với bị cáo Trang Thị N1, cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo nhưng đối trừ thời gian tạm giữ vào thời gian thử thách là không đúng quy định pháp luật vì theo hướng dẫn tại Công văn số 27/TANDTC-KHXX ngày 17/02/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với bị cáo cho hưởng án treo mà có thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó thì không đối trừ. Và cách tuyên về thời gian thử thách chưa đúng quy định pháp luật vì theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời gian thử thách đối với bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm chứ không

phải là “thời hạn tù tính từ ngày tuyên án” như cấp sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, do bị cáo Ngoan không có kháng cáo cũng như không bị kháng nghị; cấp phúc thẩm không thể điều chỉnh, sửa theo hướng bất lợi cho bị cáo Ngoan nên đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm đối với vấn đề này.

[7] Đối với việc áp dụng điều luật: Trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm giản đơn, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1, N nhưng không áp dụng đối với bị cáo T, N1 là thiếu sót của cấp sơ thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với bị cáo Trang Thị N1 tuy không có kháng cáo, kháng nghị nhưng việc cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" là chưa đúng, gây bất lợi cho bị cáo nên cấp phúc thẩm xem xét, sửa lại tội danh của bị cáo N1 là tội "Giữ người trái pháp luật" là phù hợp không gây bất lợi, làm ảnh hưởng quyền lợi của bị cáo N1.

[9] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần lời bào chữa của luật sư và chấp nhận một phần lời đề nghị của vị kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[10] Do nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các phần quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 345; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Trang Văn T, Nguyễn Chí N và Nguyễn Văn T1. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố các bị cáo Trang Văn T, Trang Thị N1, Nguyễn Chí N, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

3. Về điều khoản và hình phạt:

3.1 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trang Văn T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án được đối trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 07/12/2019.

3.2 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí N 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án được đối trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/5/2020 đến ngày 10/6/2020.

3.3 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3.4. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trang Thị N1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 09/12/2019.

Giao bị cáo Trang Thị N1 cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phong giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trang Văn T, Nguyễn Chí N và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu không bị

kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND TX Giá Rai (06 bản);
- VKSND TX Giá Rai (01 bản)
- CQĐT TX Giá Rai (01 bản);
- Chi cục THADS TX Giá Rai (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Người bào chữa (01 bản)
- Lưu: HS, THS, THCTP.

Tăng Trần Quỳnh Phương